

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT TỰ CHỌN CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

Luu Thanh Nga

Trường Đại học Kỹ Thuật Công Nghiệp – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn, cùng với các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực Thể dục thể thao, chúng tôi đã tiến hành đánh giá thực trạng chương trình Giáo dục thể chất cũ và chương trình Giáo dục thể chất mới tại Trường Đại học Kỹ Thuật Công Nghiệp Thái Nguyên. Nghiên cứu đã xác định được các nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả môn học Giáo dục thể chất tự chọn; từ đó đề xuất được 5 biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả môn học Giáo dục thể chất tự chọn cho sinh viên Trường Đại học Kỹ Thuật Công Nghiệp Thái Nguyên. Các biện pháp đề xuất đã bước đầu được ứng dụng và đánh giá hiệu quả. Kết quả cho thấy các biện pháp đã có tác dụng tích cực đối với đối tượng nghiên cứu.

Từ khóa: *Biện pháp; đánh giá; Giáo dục thể chất tự chọn; hiệu quả môn học; nâng cao; sinh viên.*

Ngày nhận bài: 10/5/2019; Ngày hoàn thiện: 26/6/2019; Ngày duyệt đăng: 28/6/2019

PROPOSING POTENTIAL SOLUTIONS TO ENHANCE EFFICIENCY OF THE ELECTIVE PHYSICAL EDUCATION SUBJECT FOR STUDENTS AT THAI NGUYEN UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

Luu Thanh Nga

TNU - University of Technology

ABSTRACT

Based on the theoretical and practical basis, along with basic scientific research methods in the field of Sports and Physics, we conducted an assessment of the status of the old Physical Education program and the new Physical Education program at Thai Nguyen University of Technology. The study carried out the causes affecting the effectiveness of elective Physical Education subjects and then propose 5 appropriate measures to increase the effectiveness of elective Physical Education subjects for students of Thai Nguyen University of Technology. The proposed solutions were initially applied in practice and then evaluated the effectiveness. The results showed that proposed solutions have a positive effect on the investigated subjects.

Keywords: *Measures; assessmen; elective Physical education; subject efficiency; improve; students.*

Received: 10/5/2019; Revised: 26/6/2019; Approved: 28/6/2019

1. Đặt vấn đề

Trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng vị trí của công tác Giáo dục thể chất (GDTC) đối với thế hệ trẻ, xem đó là động lực quan trọng và khẳng định cần có chính sách chăm sóc, giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ Việt Nam phát triển hài hoà về các mặt thể chất, tinh thần, trí tuệ và đạo đức [1]. Công tác GDTC và hoạt động Thể dục Thể thao (TDTT) trong các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp là một mặt giáo dục quan trọng không thể thiếu được trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo góp phần thực hiện mục tiêu: Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài cho đất nước để đáp ứng nhu cầu đổi mới sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội. Mục đích của GDTC cho học sinh, sinh viên (HS – SV) là góp phần đào tạo những kỹ sư có trình độ cao, có tri thức khoa học và có sức khỏe để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội [2].

Trường đại học Kỹ Thuật Công Nghiệp Thái Nguyên (KTCNTN) trong những năm qua luôn coi trọng việc nâng cao chất lượng các môn học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. GDTC là môn học đặc thù, việc nâng cao chất lượng môn học được bộ môn đặt lên hàng đầu. Năm học 2017-2018, bộ môn GDTC cải tiến chương trình giảng dạy môn học GDTC ở hai học phần GDTC 2 và GDTC 3. Ở hai học phần này, bộ môn đã đưa ra các môn thể thao tự chọn cơ sở và nâng cao để sinh viên (SV) có thể lựa chọn được môn thể thao phù hợp với đặc điểm bản thân. Việc lựa chọn chương trình môn học tự chọn phù hợp với đặc điểm bản thân có vai trò quan trọng trong việc nâng cao kết quả học tập môn học GDTC của SV. Tuy nhiên, việc đưa chương trình môn học mới vào giảng dạy và học tập sẽ gặp một số bất cập như: SV chưa thực sự chọn được môn thể thao phù hợp, đội ngũ nhân lực của bộ môn GDTC có đảm bảo được yêu cầu chất lượng của nhiều môn thể thao, cơ sở vật chất có đảm bảo cho các môn học?... Xuất phát từ lí do trên, việc đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả môn học GDTC tự chọn

cho SV Trường Đại học KTCNTN là một việc làm cần thiết góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bằng các phương pháp: tổng hợp và phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn toạ đàm, phương pháp kiểm tra sự phạm, phương pháp thống kê toán học, phương pháp thực nghiệm sự phạm [3], chúng tôi đã lựa chọn những biện pháp phù hợp và ứng dụng để nâng cao hiệu quả cho đối tượng nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đánh giá thực trạng chương trình môn học GDTC cũ và môn học tự chọn mới cho SV trường Đại học KTCNTN

Nội dung cụ thể các môn học trong chương trình GDTC cũ (chương trình bắt buộc) cho sinh viên Trường Đại học KTCNTN được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng nội dung chương trình Giáo dục Thể chất bắt buộc

TT	Học phần	Môn học	Nội dung		
			Lý thuyết	Thực hành	Tổng
1	1	GDTC1 (Chạy 100m)	4	26	30
2	2	GDTC2 (Bóng chuyền)	4	26	30
3	3	GDTC3 (Bóng đá)	4	26	30
Tổng					90

Qua kết quả của bảng 1 cho thấy, chương trình môn học 90 tiết được chia thành 03 học phần với thời lượng 30 tiết của 1 học phần GDTC thì số tiết học lý thuyết và thực hành do bộ môn xây dựng là khá phù hợp với mục tiêu của môn học và khung chương trình GDTC do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đề ra. [4]

Do thời lượng môn học còn ít 30 tiết (T)/ 1 học phần, mỗi tuần chỉ học 2 tiết học GDTC (1 buổi) nên mức độ nắm bắt tiếp thu còn hạn chế. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ SV chưa tích cực tham gia tập luyện nội và ngoại khóa, nhận thức về môn học còn lệch lạc nên chất lượng môn học GDTC chưa đạt như mong muốn.

3.2. Thực trạng chương trình môn học GDTC mới (chương trình tự chọn) cho SV Trường Đại học KTCNTN

Từ những mặt còn tồn tại của chương trình môn học cũ, năm học 2017-2018 bộ môn GDTC đã nghiên cứu xây dựng chương trình môn học mới cho sinh viên hệ chính quy Trường Đại học KTCNTN. Chương trình GDTC mới được chia làm hai phần: Học phần bắt buộc (GDTC1) và học phần tự chọn (GDTC2 và GDTC3). Chương trình môn học GDTC mới cụ thể được trình bày tại bảng 2.

Từ bảng 2 ta thấy, chương trình môn học GDTC mới được bộ môn xây dựng rất đa dạng dựa trên khung chương trình môn học do Bộ GD&ĐT đề ra. Cụ thể, theo chương trình này, môn học GDTC được chia làm hai phần GDTC bắt buộc và GDTC tự chọn:

+ GDTC1 là chương trình bắt buộc, ở học phần này sinh viên được học các môn thể thao: Thể dục và Điền Kinh (Chạy 100m). Nếu như ở học phần GDTC1 chương trình cũ, nội dung môn học chỉ đơn thuần là nội dung 100m kéo dài 30 tiết học thì ở chương trình mới này, nội dung môn học đã được thay đổi (bổ sung các môn thể thao: bài thể dục phát triển chung tay

không, bài tập đội hình đội ngũ, chạy 100m), thời gian được phân bổ hợp lý cho từng môn học đã làm cho giờ học thể chất bớt đơn điệu, nhàm chán và thu hút sinh viên tích cực tự giác tập luyện.

+ GDTC2 và GDTC3 là chương trình GDTC tự chọn. Trong chương trình GDTC tự chọn lại được chia làm 2 phần là tự chọn cơ bản và nâng cao, ở học phần tự chọn nâng cao sẽ có điều kiện tiên quyết là SV phải học và qua học phần tự chọn cơ bản mới được đăng ký và học học phần nâng cao.

Các học phần tự chọn SV có thể lựa chọn 02 trong các môn thể thao sau:

- Bóng đá cơ bản (Bóng đá 1);
- Bóng chuyền cơ bản (Bóng chuyền 1);
- Bóng rổ cơ bản (Bóng rổ 1);
- Cầu lông cơ bản (Cầu lông 1);
- Tennis cơ bản (Tennis 1);
- Âm nhạc vũ đạo cơ bản (ANVD1);
- Bóng đá nâng cao (Bóng đá 2);
- Bóng chuyền nâng cao (Bóng chuyền 2);
- Bóng rổ nâng cao (Bóng rổ 2);
- Cầu lông nâng cao (Cầu lông 2).

Bảng 2. Thực trạng nội dung chương trình GDTC tự chọn

Học phần	Môn học	Số tiết	Nội dung
1	GDTC1 (TD + Điền kinh)	30	- Thể dục; + Bài TD phát triển chung tay không 7 động tác. + Bài tập đội hình đội ngũ. - Điền kinh: Kỹ thuật chạy 100m.
2	GDTC2 (Tự chọn cơ bản)	30	- Bóng đá cơ bản (BĐ1) - Bóng chuyền cơ bản (BC1) - Bóng rổ cơ bản (BR1) - Cầu lông cơ bản (CL1) - Tennis cơ bản (Tennis1) - Âm nhạc vũ đạo cơ bản (ANVD1)
3	GDTC3 (Tự chọn cơ bản + Tự chọn nâng cao)	30	- Bóng đá cơ bản (BĐ1) - Bóng chuyền cơ bản (BC1) - Bóng rổ cơ bản (BR1) - Cầu lông cơ bản (CL1) - Tennis cơ bản (Tennis 1) - Âm nhạc vũ đạo cơ bản (ANVD1) - Bóng đá nâng cao (BĐ2) - Bóng chuyền nâng cao (Bóng chuyền 2) - Bóng rổ nâng cao (BR2) - Cầu lông nâng cao (CL2)

So với chương trình học cũ chương trình mới có những cải tiến phù hợp, SV có nhiều lựa chọn khi chọn môn thể thao phù hợp với đặc điểm bản thân. Mặc dù đã có sự cải tiến về nội dung chương trình cho phù hợp với nguyện vọng, trình độ thể lực của SV nhưng kết quả môn học chưa đạt như mong đợi. Chúng tôi đã thống kê và so sánh kết quả học tập môn GDTC của SV khi học 2 chương trình GDTC cũ và mới, kết quả được trình bày tại bảng 3.

Từ bảng 3 cho thấy, trong năm học 2016-2017 khi thực hiện theo chương trình GDTC cũ tỉ lệ SV chưa đạt còn ở mức cao 33,93% ở học kỳ 1 và 34,08% ở học kỳ 2. Khi thực hiện chương trình GDTC mới đã được cải tiến để phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng và trình độ thể lực của SV, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường thì kết quả học tập của SV đã có những biến chuyển tích cực nhưng vẫn chưa cao, thể hiện ở tỷ lệ SV chưa qua môn vẫn ở mức cao: học kỳ 1 là 26,24% và học kỳ 2 là 29,89%.

Để xác định nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả môn học GDTC, chúng tôi tiến

hành phỏng vấn 32 các chuyên gia, các nhà quản lý và cán bộ chuyên trách về TDTT đang công tác tại Thái Nguyên. Kết quả cụ thể được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy, hiệu quả môn học GDTC tự chọn chịu ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan. Trong đó các yếu tố như: cơ sở vật chất, nội dung chương trình, chất lượng đội ngũ giảng viên được các chuyên gia đánh giá ở mức rất quan trọng và quan trọng đạt tỷ lệ 100%, các nguyên nhân khác như: Nhận thức chưa đầy đủ của SV và 1 bộ phận không nhỏ giảng viên về công tác GDTC; Do giảng viên GDTC không được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên; Phương pháp giảng dạy chưa phù hợp; SV chưa biết cách đăng ký và lựa chọn môn học phù hợp với bản thân được các chuyên gia đánh giá ở mức rất quan trọng và quan trọng đạt tỷ lệ từ 71,87 đến 87,5%. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hiệu quả môn học GDTC tự chọn là không giống nhau nhưng đây là những nguyên nhân chính gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả môn học.

Bảng 3. Kết quả học môn GDTC chương trình cũ và chương trình mới

STT		Tổng số SV đăng ký môn học	Số SV đã đạt	Tỷ lệ %	Số SV không đạt	Tỷ lệ %
Năm học 2016-2017	HK1	2.706	1815	67,07	891	33,93
	HK2	1.740	1147	65,92	593	34,08
Năm học 2017-2018	HK1	2.336	1723	73,76	613	26,24
	HK2	1.275	894	70,11	381	29,89

Bảng 4. Kết quả phỏng vấn nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả môn học GDTC tự chọn tại Trường Đại học KTCNTN (n=32)

TT	Nguyên nhân	Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
1	Nội dung chương trình chưa phù hợp	18	14	0
2	Chất lượng đội ngũ giảng viên	25	7	0
3	Điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC	32	32	0
4	Nhận thức chưa đầy đủ của SV và 1 bộ phận không nhỏ giảng viên về công tác GDTC	20	8	4
5	Do giảng viên GDTC không được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên	15	8	9
6	Phương pháp giảng dạy chưa phù hợp	17	10	5
7	SV chưa biết cách đăng ký và lựa chọn môn học phù hợp với bản thân	16	10	6

Từ những vấn đề nêu trên cùng với những tồn tại, khó khăn của công tác GDTC đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả môn học GDTC tự chọn. Việc tìm ra các biện pháp nhằm khắc phục những mặt tồn tại, hạn chế từ đó nâng cao hiệu quả môn học GDTC nói chung và hiệu quả môn học GDTC tự chọn nói riêng là vấn đề cần thiết và cấp bách.

3.3. Đề xuất và đánh giá hiệu quả một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả môn học GDTC tự chọn cho SV Trường Đại học KTCNTN

3.3.1. Lựa chọn, đề xuất một số biện pháp

Qua việc tìm hiểu, thu thập tổng hợp, phân tích các tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu, đồng thời qua tham khảo, quan sát thực tế công tác đánh giá kết quả học tập môn GDTC của SV tại Trường Đại học KTCNTN, đề tài đã xác định và bước đầu đề xuất sử dụng 8 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả môn học GDTC tự chọn cho SV Trường Đại học KTCNTN [5]. Để có sự lựa chọn khách quan và chính xác các biện pháp phù hợp, toàn diện nhất nhằm nâng cao hiệu quả môn học GDTC tự chọn cho sinh viên

Trường Đại học KTCNTN, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi tới các chuyên gia, giảng viên GDTC ở các trường Đại học, Cao đẳng, các cán bộ TDTT đang công tác trong tỉnh Thái Nguyên. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 5.

Từ kết quả thu được ở bảng 5, đề tài đã lựa chọn được 5 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả môn học GDTC tự chọn cho SV Trường Đại học KTCNTN có số phiếu đánh giá ở mức quan trọng và rất quan trọng trên 80% theo nguyên tắc phỏng vấn đã đặt ra. Đó là các biện pháp:

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng và nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của TDTT đối với SV trong nhà trường.
- Đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp.
- Đầu tư trọng điểm, cải tạo, xây dựng và khai thác tối đa cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC.
- Tăng cường công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên GDTC.
- Tăng cường phối hợp với các phòng ban, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm.

Bảng 5. Kết quả phỏng vấn lựa chọn biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả môn học GDTC tự chọn cho SV Trường Đại học KTCNTN (n=32)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn					
		Rất quan trọng		Quan trọng		Không quan trọng	
		n	%	n	%	n	%
1	Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng và nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của TDTT đối với SV trong nhà trường.	26	81,25	6	18,75	0	0
2	Đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp.	22	68,75	4	12,5	6	18,75
3	Đầu tư trọng điểm, cải tạo, xây dựng và khai thác tối đa cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC.	30	100	2	6,25	0	0
4	Tăng cường công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên GDTC.	20	62,5	6	18,75	6	18,75
5	Mở rộng và tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, xây dựng các Câu lạc bộ TDTT cho SV.	10	31,25	7	21,87	15	46,88
6	Tăng giờ học nội khóa cho SV.	10	31,25	12	37,5	10	31,25
7	Có chế độ khuyến khích SV khi tập luyện ngoại khóa.	8	25	10	31,25	14	43,75
8	Tăng cường phối hợp với các phòng ban, đội ngũ GVCN.	16	50	10	31,25	6	18,75

Bảng 6. Kết quả kiểm tra thể lực của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng trước thực nghiệm

Test	Giới tính	Nhóm đối chứng		Nhóm thực nghiệm		So sánh	
		\bar{X}	$\pm \delta$	\bar{X}	$\pm \delta$	t	P
Bật xa tại chỗ (cm)	Nam (n=56)	191,9	8,08	191,7	8,96	0,74	>0,05
	Nữ (n=32)	144,3	2,7	143,6	2,3	0,4	>0,05
Nằm ngửa gập bụng 30 giây (sl)	Nam (n=56)	16,4	1,8	16,2	1,7	0,58	>0,05
	Nữ (n=32)	14,2	1,5	13,8	1,7	0,72	>0,05
Chạy 30m XPC (s)	Nam (n=56)	6,9	0,36	6,7	0,32	0,62	>0,05
	Nữ (n=32)	7,7	0,55	7,9	0,67	0,75	>0,05
Chạy 5 phút (m)	Nam (n=56)	949,6	6,2	955,1	6,4	0,39	>0,05
	Nữ (n=32)	856	16,5	854,4	16,7	0,28	>0,05

Sau khi lựa chọn được các biện pháp, đề tài tiến hành ứng dụng để đánh giá hiệu quả của các biện pháp đã lựa chọn. Đề tài tiến hành thực nghiệm trong thời gian 05 tháng (1/2018 ÷ 6/2018) trên 176 SV khóa 53 trong đó có 112 SV nam và 64 SV nữ. Đối tượng được chia làm 2 nhóm đồng đều về thể lực và giới tính:

+ Nhóm đối chứng: Thực hiện theo chương trình thường quy của nhà trường đối với môn GDTC.

+ Nhóm thực nghiệm: Thực hiện theo chương trình GDTC của nhà trường và áp dụng đồng bộ các biện pháp mà đề tài đã lựa chọn.

Đề tài tiến hành kiểm tra thể lực của 2 nhóm trước thực nghiệm. Kết quả được trình bày tại bảng 6.

Từ kết quả trình bày tại bảng 6 cho thấy, ở tất cả các nội dung kiểm tra của cả nam và nữ, các chỉ số của 2 nhóm không có sự khác biệt

hay sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $P > 0,05$. Như vậy, trình độ thể lực của 2 nhóm trước thực nghiệm là tương đương nhau.

3.3.2. Kiểm tra thể lực 2 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm

Sau thời gian thực nghiệm, đề tài tiến hành đánh giá lại trình độ thể lực của 2 nhóm. Kết quả được trình bày tại bảng 7.

Từ kết quả bảng 7 ta thấy, ở tất cả các nội dung kiểm tra chạy 30m, bật xa tại chỗ, nằm ngửa gập bụng, chạy tùy sức 5 phút đều có $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$. Điều đó có nghĩa là sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và đủ độ tin cậy ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$. Do vậy, ta có thể khẳng định rằng thể lực của nhóm thực nghiệm cao hơn hẳn nhóm đối chứng sau khi ứng dụng các biện pháp mà đề tài đã đề xuất.

Bảng 7. Kết quả kiểm tra thể lực của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm ($n_A = n_B = 88$)

TT	Nội dung kiểm tra	Giới tính	Nhóm đối chứng	Nhóm thực nghiệm	Độ tin cậy	
			$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$	t	p
1	Chạy 30m XPC (s)	Nam (n=56)	5,42 ± 0,24	4,76 ± 0,18	3,06	<0,05
		Nữ (n=32)	7,1 ± 0,35	6,8 ± 0,32	2,85	<0,05
2	Bật xa tại chỗ (cm)	Nam (n=56)	222,40 ± 10,50	248,80 ± 12,14	5,09	<0,05
		Nữ (n=32)	155 ± 7,72	169,3 ± 9,54	4,12	<0,05
3	Nằm ngửa gập bụng 30 giây (sl)	Nam (n=56)	17,60 ± 2,56	19,84 ± 3,12	6,63	<0,05
		Nữ (n=32)	15,02 ± 2,12	17,26 ± 3,46	4,79	<0,05
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam (n=56)	938,50 ± 18,60	960,20 ± 19,14	2,45	<0,05
		Nữ (n=32)	856 ± 14,52	873 ± 16,25	2,01	<0,05

3.3.3. So sánh kết quả học tập môn GDTC tự chọn của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm

Để đánh giá chính xác và hiệu quả các biện pháp đã lựa chọn, đề tài tiến hành đánh giá kết quả học tập của 2 nhóm sau thực nghiệm. Kết quả được trình bày tại bảng 8:

Bảng 8. Kết quả học tập môn GDTC tự chọn của 2 nhóm sau thực nghiệm (n=176)

STT	Số SV đã đạt	Tỷ lệ %	Số SV không đạt	Tỷ lệ %
Nhóm đối chứng	108	61,36	68	29,46
Nhóm thực nghiệm	148	84,09	28	15,91

Qua kết quả bảng 8 cho thấy:

+ Nhóm thực nghiệm: số sinh viên có kết quả học tập đạt là 84,09%.

+ Nhóm đối chứng: số sinh viên có kết quả học tập đạt là 61,36%.

⇒ Từ kết quả phân tích trên cho thấy, khi ứng dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả môn học GDTC tự chọn mà đề tài đã đề xuất thì trình độ thể lực và kết quả môn học của sinh viên đã được nâng cao rõ rệt so với hiện trạng. Điều này chứng tỏ các biện pháp mà đề tài đề xuất đã tác động tích cực đến đối tượng nghiên cứu.

4. Kết luận

1. Thực trạng chương trình GDTC cũ và chương trình GDTC mới còn nhiều hạn chế, thể hiện ở những mặt sau:

- Chương trình GDTC cũ là chương trình bắt buộc từ học phần 1 đến hết học phần 3, sinh viên buộc phải học theo sự sắp xếp của nhà trường mà không được lựa chọn môn thể thao yêu thích, phù hợp với bản thân. Điều này ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng giờ học cũng như kết quả môn học.

- Chương trình môn học GDTC mới phong phú đa dạng, đáp ứng được yêu cầu của SV. Tuy nhiên, phương pháp và cách thức tổ chức giờ học chính khóa còn nhiều hạn chế: Cơ sở vật chất; Nội dung chương trình; Chất lượng đội ngũ giảng viên; Nhận thức chưa đầy đủ của SV và 1 bộ phận không nhỏ giảng viên về công tác GDTC; Công tác bồi dưỡng nghiệp

vụ cho đội ngũ giảng viên chưa được quan tâm; SV chưa biết cách đăng ký và lựa chọn môn học phù hợp với bản thân là nguyên nhân chính gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả môn học.

2. Thông qua nghiên cứu đã đề xuất được 5 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả môn học GDTC tự chọn cho SV Trường Đại học KTCNTN. Đó là các biện pháp:

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng và nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của TDTT đối với SV trong nhà trường.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

- Đầu tư trọng điểm, cải tạo, xây dựng và khai thác tối đa cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên GDTC.

- Tăng cường phối hợp với các phòng ban, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm.

3. Kết quả ứng dụng các biện pháp đã đề xuất trên đối tượng nghiên cứu cho thấy tác dụng rõ rệt trong việc nâng cao hiệu quả môn học GDTC tự chọn cho SV Trường Đại học Kỹ Thuật Công Nghiệp Thái Nguyên.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp trong đề tài mã số T2017-B22. Tác giả chân thành cảm ơn sự tài trợ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp cho nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo Dục & Đào Tạo, *Văn bản chỉ đạo thực hiện công tác giáo dục thể chất ở nhà trường các cấp*, Hà Nội, 1998.
- [2]. Ban Bí thư Trung ương Đảng, *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*; Hà Nội, 2013.
- [3]. Dương Nghiệp Chí và cộng sự, *Đo lường thể thao*, Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2006.
- [4]. Bộ Giáo Dục & Đào Tạo, *Thông tư quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*, Hà Nội, 2015.
- [5]. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn, *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2006.

